

BÁO CÁO

**tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI
về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề
cho lao động nông thôn**

Ngày 31/3/2022, Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành Công văn số 2690-CV/BTGTW về việc tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề (ĐTN) cho lao động nông thôn (LĐNT) (viết tắt là Chỉ thị số 19-CT/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo tổng kết 10 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW**

**I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC QUẢN TRIỆT VÀ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ**

**1. Công tác quán triệt, nghiên cứu, học tập, tuyên truyền và triển khai
thực hiện Chỉ thị**

Sau khi Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 19-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức quán triệt trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của tỉnh; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị, địa phương, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) và các đoàn thể chính trị - xã hội (CT-XH) tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị.

Thời gian qua, xác định công tác ĐTN cho LĐNT là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, của các cấp, các ngành và xã hội nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) nông nghiệp, nông thôn; học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyển nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách về ĐTN cho LĐNT theo chức năng, nhiệm vụ và phạm vi quản lý. Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được chú trọng, kịp thời chuyển tải nhiều thông tin phản ánh quá trình tổ chức quán triệt và kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW. Công tác tư vấn, hỗ trợ học nghề, ĐTN, giải quyết việc làm được thực hiện thường xuyên. Xây dựng và nhân rộng các mô hình ĐTN cho LĐNT có hiệu quả theo từng ngành, lĩnh vực; đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

Thường xuyên dự báo nhu cầu ĐTN theo thị trường. Không tổ chức ĐTN khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề.

2. Việc xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện

Trước khi có Chỉ thị số 19-CT/TW, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 25/10/2010 về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác ĐTN cho LĐNT đến năm 2020. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND, ngày 15/02/2011 về phê duyệt Đề án ĐTN cho LĐNT đến năm 2020. Thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND, ngày 19/7/2016 về cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3577/QĐ-UBND, ngày 14/10/2016 quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cho chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.

Năm 2021 và năm 2022, công tác ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng.

Ngoài ra, công tác ĐTN cho LĐNT còn được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh lồng ghép chỉ đạo thực hiện trong nhiều nghị quyết, quyết định, chương trình, đề án... thuộc nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau; gắn ĐTN với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội (KT-XH) của tỉnh, từng vùng, ngành, địa phương; gắn với thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới. Chú trọng phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn; triển khai chương trình “mỗi xã một sản phẩm”; đẩy mạnh tiêu thụ nông sản chủ lực ở cấp xã.

3. Công tác kiểm tra, giám sát

Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Đề án, cơ chế ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị liên quan của tỉnh chú trọng chỉ đạo tổ chức thực hiện. Định kỳ hằng năm, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát về ĐTN cho LĐNT. Công tác kiểm tra tại các cơ sở GDNN được chú trọng thực hiện thường xuyên (*Phụ lục 3*). Qua kiểm tra, giám sát đã đánh giá được tình hình, kết quả thực hiện, những việc đã làm được, những tồn tại, vướng mắc, bất cập để kịp thời chỉ đạo khắc phục hoặc kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết.

4. Công tác sơ kết, tổng kết

Công tác sơ kết, tổng kết thực hiện công tác ĐTN cho LĐNT được tổ chức định kỳ¹ nhằm đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động của việc thực hiện các đề án,

¹ Năm 2015, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 05 năm (2011 - 2015); năm 2017, Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo sơ kết 05 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW; năm 2020, UBND tỉnh tổ chức Hội nghị tổng kết 10 năm

cơ chế ĐTN cho LĐNT và ĐTN cho các chương trình, dự án trọng điểm, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đối với sự phát triển KT-XH, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới (NTM) trên địa bàn tỉnh.

Nhìn chung, việc tổ chức quán triệt, xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, tuyên truyền thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW trên địa bàn tỉnh cơ bản kịp thời, nghiêm túc. Trong 10 năm qua, cấp tỉnh, cấp huyện đã ban hành trên 200 văn bản để triển khai thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW (*Phụ lục 1*); qua đó, góp phần giúp các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ, đoàn thể CT-XH, các hội, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người dân nhận thức được sự cần thiết của công tác ĐTN cho LĐNT nhằm nâng cao chất lượng LĐNT, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn; học nghề là quyền lợi và nghĩa vụ của LĐNT nhằm tạo việc làm, chuyên nghề, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ SỐ 19-CT/TW

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến Chỉ thị số 19-CT/TW

Xác định công tác tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ĐTN cho LĐNT. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng các cơ quan báo, đài của tỉnh tăng cường tuyên truyền về Chỉ thị số 19-CT/TW; trong đó, nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của công tác ĐTN cho LĐNT góp phần vào sự phát triển KT-XH của tỉnh; tuyên truyền các văn bản chỉ đạo về ĐTN cho LĐNT qua Bản tin Tuyên giáo Tỉnh ủy (nay là Bản tin Xây dựng Đảng Tỉnh ủy). Đài PT-TH tỉnh, Báo Quảng Nam đã phối hợp với sở, ngành có liên quan xây dựng nhiều chuyên trang, chuyên mục, tin bài; tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức về vai trò, ý nghĩa, nhiệm vụ, giải pháp ĐTN cho LĐNT; nhân rộng, phát huy những mô hình hay, cách làm hiệu quả trong ĐTN cho LĐNT; chú trọng đăng tải thông tin phản ánh các gương điển hình của LĐNT sau học nghề đã áp dụng có hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, được doanh nghiệp tuyển dụng, có việc làm mới, thu nhập cao và ổn định. Đài PT-TH tỉnh chủ động mở nhiều chuyên mục, chương trình tuyên truyền²; phát sóng nhiều tin, phóng sự trên chương trình thời sự truyền hình³ và nhiều hình thức tuyên truyền khác⁴.

(2011 - 2020) về công tác ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh và biểu dương, tôn vinh khen thưởng đối với những tập thể và cá nhân có nhiều đóng góp trong công tác ĐTN cho LĐNT.

² Lao động và việc làm, Hướng dẫn trồng Sâm Ngọc Linh, Giáo dục nghề nghiệp gắn việc làm, Năm mới bàn chuyện mỗi xã một sản phẩm...

³ Trên 450 tin, phóng sự phát trong chương trình thời sự truyền hình của tỉnh; phát sóng 75 số chuyên đề, chuyên mục về công tác ĐTN cho LĐNT; 36 số chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách ĐTN cho LĐNT và kết quả, hiệu quả sau ĐTN trên Báo Quảng Nam...

⁴ Trong 10 năm qua, các cơ quan truyền thông cấp tỉnh đã tổ chức in 29.500 tờ rơi phát hành rộng rãi đến LĐNT trên địa bàn tỉnh, in 12.600 cẩm nang về Đề án ĐTN cho LĐNT, 5.000 cuốn tài liệu tuyên truyền hướng dẫn về cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Công tác tuyên truyền đã góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác ĐTN cho LĐNT, giúp người lao động nhận thức được sự cần thiết và lợi ích của việc học nghề để nâng cao tay nghề, có nghề mới, tăng thu nhập, phát triển kinh tế gia đình và góp phần xây dựng NTM (*Phụ lục 2*).

2. Đổi mới ĐTN cho LĐNT

2.1. Sắp xếp hệ thống cơ sở giáo dục nghề nghiệp (GDNN)

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, năm 2013, tỉnh thành lập 07 Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp và ĐTN trên cơ sở bổ sung thêm chức năng dạy nghề cho các Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp⁵ để tham gia thực hiện thêm công tác ĐTN cho LĐNT tại địa phương. Trong đó, ngành Giáo dục và Đào tạo quản lý nhà nước về giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp; ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH) quản lý nhà nước về dạy nghề và giới thiệu việc làm.

Năm 2017, UBND tỉnh tổ chức rà soát đánh giá thực trạng, hiệu quả hoạt động của các Trung tâm Giáo dục thường xuyên, Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp và Dạy nghề, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên cấp huyện (gọi tắt là trung tâm). Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã quyết định chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của các trung tâm này cho Trung tâm giáo dục thường xuyên tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo, Phòng LĐ-TB&XH cấp huyện và giải thể các trung tâm thuộc 16 huyện, thị xã, thành phố⁶ theo Quyết định số 1966/QĐ-UBND, ngày 01/6/2017 của UBND tỉnh.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII, Tỉnh ủy ban hành Chương trình số 15-CTr/TU, ngày 27/02/2018 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2483/QĐ-UBND, ngày 09/9/2020 phê duyệt Đề án sắp xếp các cơ sở GDNN công lập trên địa bàn tỉnh. Cuối tháng 5/2021, tỉnh hoàn thành việc sáp nhập các trường⁷ và đổi tên thành Trường Cao đẳng Quảng Nam⁸. Từ ngày 01/6/2021, Trường Cao đẳng Quảng Nam chính thức đi vào hoạt động. Hiện nay, toàn tỉnh có 28 cơ sở GDNN⁹.

⁵ Tại các địa phương chưa có trung tâm dạy nghề.

⁶ Thăng Bình, Hội An, Phú Ninh, Quế Sơn, Duy Xuyên, Đại Lộc, Phước Sơn, Tây Giang, Đông Giang, Tiên Phước, Hiệp Đức, Bắc Trà My, Nam Trà My, Điện Bàn, Núi Thành và Nam Giang.

⁷ Trường Cao đẳng Công nghệ Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Bắc Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Nam Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Thanh niên Dân tộc - Miền núi Quảng Nam và Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Quảng Nam vào Trường Cao đẳng Quảng Nam.

⁸ Quyết định số 359/QĐ-LĐTBXH, ngày 24/3/2021 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về việc sáp nhập các trường và đổi tên thành Trường Cao đẳng Quảng Nam.

⁹ 07 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 09 trung tâm GDNN và 08 cơ sở khác có tham gia hoạt động GDNN.

2.2. Kiện toàn tổ chức, nhân sự thực hiện công tác GDNN

Bộ máy cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về dạy nghề được kiện toàn, bổ sung. Tính đến ngày 31/12/2021, tổng số đội ngũ nhà giáo cơ hữu tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là 1.479 người¹⁰. Ngoài ra, các cơ sở GDNN thực hiện hợp đồng thỉnh giảng cán bộ các Trung tâm Khuyến nông, lâm, ngư, người lao động có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi... Công tác bồi dưỡng chuẩn hóa nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhà giáo, người dạy nghề được chú trọng thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cho LĐNT. Kết quả đã tổ chức bồi dưỡng kỹ năng dạy học cho 215 người; bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm dạy nghề cho 162 người; bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ trên 500 lượt người.

Đội ngũ cán bộ quản lý của các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh không được củng cố, kiện toàn¹¹. Hằng năm, tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nghiệp vụ về thực hiện Luật GDNN, các văn bản quy phạm pháp luật về GDNN, các chính sách hỗ trợ ĐTN cho LĐNT, công tác tuyên truyền, tuyển sinh, hướng nghiệp, giải quyết việc làm... nhằm nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác quản lý GDNN tại các cơ sở GDNN.

2.3. Công tác tư vấn, khảo sát, dự báo nhu cầu học nghề

Năm 2010, để có cơ sở xây dựng Đề án ĐTN cho LĐNT, UBND tỉnh ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 1756/KH-UBND, ngày 31/5/2010 về điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT và nhu cầu sử dụng lao động của các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Sau điều tra, khảo sát, tỉnh ban hành Quyết định số 494/QĐ-UBND, ngày 15/02/2011 phê duyệt Đề án ĐTN cho LĐNT tỉnh đến năm 2020. Từ năm 2012, việc tổ chức các lớp ĐTN cho LĐNT được phân cấp về các huyện, thị xã, thành phố.

Định kỳ hằng năm, các địa phương căn cứ vào tình hình KT-XH, nhu cầu học nghề của người dân và căn cứ kết quả điều tra cung, cầu lao động, dự báo nhu cầu ĐTN để xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí thực hiện Đề án, Cơ chế trình UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện¹².

2.4. Kiện toàn tổ chức, cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về GDNN

Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về GDNN, tại cấp tỉnh, Sở LĐ-TB&XH có Phòng GDNN¹³. Đối với cấp huyện, 18/18 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh đã bố trí công chức theo dõi công tác GDNN tại Phòng LĐ-TB&XH; ở

¹⁰ 16 người trình độ tiến sĩ, 473 người trình độ thạc sĩ, 625 người trình độ đại học, 72 người trình độ cao đẳng và 293 trình độ khác.

¹¹ Đến ngày 31/12/2020 là 315 người¹¹; trong đó, nữ: 101 người, tỷ lệ 32,06%; có 130 người đã tham gia bồi dưỡng và được cấp chứng chỉ nghiệp vụ quản lý cơ sở GDNN.

¹² Kinh phí thực hiện: Giai đoạn 2015 - 2021 từ nguồn kinh phí chương trình MTQG Việc làm - Dạy nghề, giai đoạn 2016 - 2020 từ kinh phí chương trình MTQG xây dựng NTM và nguồn ngân sách tỉnh.

¹³ Được đổi tên từ Phòng Dạy nghề.

cấp xã là cán bộ phụ trách công tác lao động, thương binh và xã hội. Đồng thời, ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã bố trí cán bộ theo dõi công tác ĐTN nông nghiệp cho LĐNT¹⁴. Cán bộ, công chức các cấp đa số có trình độ đại học, có năng lực công tác đáp ứng nhu cầu nhiệm vụ được giao.

Định kỳ hằng năm, tỉnh tổ chức bồi dưỡng cho cán bộ phụ trách dạy nghề cấp xã, cấp huyện về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, công tác tuyên truyền, tư vấn chọn nghề, tìm và tự tạo việc làm cho LĐNT. Tổng số cán bộ được tập huấn, bồi dưỡng bình quân hằng năm là trên 300 lượt người.

2.5. Đổi mới chương trình ĐTN cho LĐNT

UBND tỉnh phê duyệt danh mục nghề và định mức chi phí ĐTN cho LĐNT với tổng số 179 nghề¹⁵. Phát triển chương trình, giáo trình dạy nghề là một trong những giải pháp quan trọng góp phần nâng cao chất lượng dạy nghề của tỉnh. Từ năm 2011 đến nay, đã có nhiều bộ chương trình được xây dựng, chỉnh sửa và đưa vào sử dụng có hiệu quả tại các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh. Giai đoạn 2011 - 2015, Sở LĐ-TB&XH thực hiện chỉnh sửa 04 bộ chương trình trình độ trung cấp¹⁶; xây dựng mới chương trình đào tạo 10 nghề¹⁷; chỉnh sửa chương trình đào tạo 07 nghề¹⁸. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn biên soạn 12 bộ giáo trình dạy nghề dưới 03 tháng cho các nghề nông nghiệp¹⁹. Trường Cao đẳng Công nghệ thực hiện biên soạn 03 chương trình đào tạo trình độ sơ cấp²⁰.

Ngoài ra, các cơ sở GDNN thường xuyên cập nhật, đổi mới chương trình đào tạo theo quy định của Bộ LĐ-TB&XH và hướng dẫn của Tổng cục GDNN; đẩy mạnh đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun, tín chỉ đảm bảo tính liên thông trong đào tạo²¹. Chú trọng thực hiện lồng ghép tư vấn kiến thức kinh doanh và khởi nghiệp²² trong nội dung chương trình ĐTN cho LĐNT để sau học nghề ngoài việc nắm bắt được kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng có thể hình thành ý tưởng kinh doanh, thực hiện khởi nghiệp với ngành nghề đã học. Khuyến khích khởi nghiệp để phát triển du lịch cộng đồng, phát huy tiềm năng du lịch, thế mạnh làng nghề sẵn có ở địa phương.

¹⁴ Ở cấp tỉnh thuộc Chi cục Phát triển nông thôn và cấp huyện bố trí cán bộ theo dõi công tác dạy nghề nông nghiệp tại Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

¹⁵ Trong đó: 64 nghề nông nghiệp, 115 nghề phi nông nghiệp.

¹⁶ Kỹ thuật chế biến món ăn; may thời trang; cơ điện nông thôn; hàn...

¹⁷ Dệt chiếu; vận hành máy nông nghiệp; nề hoàn thiện; nghiệp vụ bàn; sửa chữa máy may công nghiệp; nghiệp vụ buồng; kỹ thuật pha chế đồ uống; xây đá; chế tác trầm hương; gia công giường.

¹⁸ Kỹ thuật sơ chế và bảo quản hoa màu; kỹ thuật chế biến món ăn; sửa chữa cơ điện; kỹ thuật gò, hàn; sửa chữa cơ điện nông thôn; sửa chữa máy kéo công suất nhỏ; hàn điện; lắp đặt điện cơ sở sản xuất nhỏ.

¹⁹ Trồng nấm rơm và nấm sò; nuôi, nhận biết và trị bệnh cho lợn; trồng lúa năng suất cao; nuôi cá nước ngọt trong ao; nuôi tôm thẻ chân trắng; trồng và chăm sóc hoa ly; trồng và khai thác rừng trồng (keo lai hom, keo lai nuôi cây mô, keo úc); trồng nấm linh chi; trồng chăm sóc và khai thác cây Ba kích tím; trồng, chăm sóc và khai thác cây Sa nhân tím; nhân giống và trồng cây ăn quả có muối (cam và bưởi); nuôi cá nước ngọt trong lồng bè.

²⁰ Điện dân dụng; may; công nghiệp và hàn.

²¹ Mỗi mô đun tích hợp giữa kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp nhằm giúp người học nghề có năng lực thực hành trọn vẹn công việc.

²² Kiến thức cơ bản xây dựng dự án kinh doanh, mô hình kinh doanh, tổ chức sản xuất...

2.6. Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy nghề cho LĐNT

2.6.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ dạy nghề cho LĐNT được thực hiện theo Quyết định số 1011/QĐ-LĐTBXH, ngày 19/8/2010 của Bộ LĐ-TB&XH về việc phê duyệt danh sách các cơ sở dạy nghề được hỗ trợ đầu tư theo chính sách của Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ, Quảng Nam có 06 cơ sở dạy nghề được hỗ trợ kinh phí²³. Tổng kinh phí được giao giai đoạn này là: 41.200 triệu đồng; trong đó, nguồn ngân sách Trung ương: 40.700 triệu đồng, ngân sách tỉnh: 500 triệu đồng. Ngoài ra, tỉnh đầu tư xây dựng trụ sở, phòng học, nhà xưởng cho 03 trung tâm dạy nghề tại 03 huyện nghèo của tỉnh từ nguồn kinh phí Nghị quyết 30a²⁴.

2.6.2. Giai đoạn 2016 - 2020

Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ ĐTN cho LĐNT được thực hiện theo Quyết định số 683/QĐ-LĐTBXH, ngày 05/6/2018 của Bộ LĐ-TB&XH về phê duyệt danh sách các cơ sở được hỗ trợ đầu tư theo chính sách quy định tại Quyết định số 1600/QĐ-TTg, ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020 và Quyết định số 1956/QĐ-TTg, ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ĐTN cho LĐNT đến năm 2020, Quảng Nam có 03 đơn vị được hỗ trợ đầu tư²⁵. Tổng kinh phí được giao giai đoạn này là: 3.000 triệu đồng.

3. Kết quả ĐTN cho LĐNT

3.1. Kết quả ĐTN cho LĐNT

3.1.1. Giai đoạn 2011 - 2015

Tổng số LĐNT tham gia học nghề toàn tỉnh là 28.309 người²⁶. Kết quả công tác ĐTN cho LĐNT trong giai đoạn này đã góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển nông nghiệp nông thôn, giảm nghèo bền vững, xây dựng NTM; nhiều làng nghề truyền thống của tỉnh được khôi phục và phát triển mạnh²⁷; nhiều mô hình ĐTN gắn với giải quyết việc làm được thực hiện có hiệu quả; nhiều LĐNT

²³ Trung tâm Dạy nghề Duy Xuyên, Trường Cao đẳng Công nghệ Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Nam Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Bắc Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc - Miền núi Quảng Nam, Trung tâm GDTX-HN-DN huyện Đại Lộc.

²⁴ Trung tâm Dạy nghề huyện Phước Sơn: 13.978 triệu đồng; Trung tâm Dạy nghề huyện Nam Trà My: 9.400 triệu đồng; Trung tâm Dạy nghề huyện Tây Giang: 13.000 triệu đồng.

²⁵ Trường Trung cấp nghề Bắc Quảng Nam, Trường Trung cấp nghề Nam Quảng Nam và Trường Trung cấp nghề Thanh niên Dân tộc - Miền núi Quảng Nam.

²⁶ Chia theo lĩnh vực đào tạo: Nghề nông nghiệp là 16.477 người; nghề phi nông nghiệp là 11.832 người; chia theo đối tượng học nghề: lao động thuộc hộ nghèo: 4.508 người, hộ cận nghèo 1.988 người; DTTS: 4.109 người; đối tượng chính sách: 1.131 người, đối tượng khác: 16.573 người. Tổng số lao động có việc làm sau đào tạo là: 22.795 người; trong đó, có việc làm mới: 12.316 người, tiếp tục làm nghề cũ: 10.058 người, thay đổi công việc: 421 người.

²⁷ Làng nghề phở sắn ở Đông Phú (Quế Sơn), rau Trà Quế ở Cẩm Hà (Hội An), chiếu cói Bàn Thạch (Duy Xuyên).

sau khi học nghề đã thoát nghèo²⁸, góp phần nâng cao chất lượng nguồn lao động của địa phương, thực hiện thành công chương trình NTM.

3.1.2. Giai đoạn 2016 - 2020

Ngoài việc tập trung triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về đào tạo lao động do Trung ương ban hành, HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND, ngày 19/7/2016 về cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016 - 2020²⁹. Đây là chính sách hỗ trợ vượt trội nhằm phát triển nguồn nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo về chất lượng; trong đó, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề gắn với giải quyết việc làm, đáp ứng nhu cầu lao động cho các chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổng số lao động được hỗ trợ học nghề trong giai đoạn này là 26.110 người; trong đó: lĩnh vực nông nghiệp là 13.453 người, lĩnh vực phi nông nghiệp: 12.657 người. Kết quả cụ thể như sau:

Tổng số LĐNT tham gia học nghề theo đề án ĐTN cho LĐNT đến năm 2020 là 20.362 người³⁰. Tổng số lao động được hỗ trợ học nghề theo Nghị quyết số 12/2012/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là 5.748 người³¹. Có tổng cộng 5.245 người³² sau học nghề vào làm việc tại doanh nghiệp, tỷ lệ trên 95% trên tổng số lao động hoàn thành khóa học. Hầu hết lao động sau khi đào tạo được tiếp nhận vào làm việc ổn định tại doanh nghiệp với mức thu nhập bình quân từ 05 đến 06 triệu đồng/tháng.

3.1.3. Năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022

Năm 2021 và năm 2022, chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho LĐNT thực hiện theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ³³.

Trong năm 2022 và những năm tiếp theo, công tác ĐTN cho LĐNT tiếp tục được thực hiện theo các dự án, tiểu dự án về phát triển GDNN thuộc các Chương

²⁸ Lớp mộc dân dụng ở xã Mã Cooih, huyện Đông Giang; lớp nuôi gà thả vườn ở xã Trà Đông, huyện Bắc Trà My; lớp trồng rau sạch, nuôi cá nước ngọt, vận hành máy nông nghiệp, may công nghiệp, trồng lúa chất lượng cao ở Tam Phước, huyện Phú Ninh; lớp làm vườn - cây cảnh ở xã Cẩm Hà, thành phố Hội An; lớp may công nghiệp, mộc dân dụng, nghiệp vụ du lịch ở xã Duy Phước, huyện Duy Xuyên; các lớp thú y ở xã Điện Trung, thị xã Điện Bàn và xã Đại Cường, huyện Đại Lộc; lớp nề hoàn thiện ở thị trấn Đông Phú, huyện Quế Sơn...

²⁹ Theo cơ chế này, ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo, tiền ăn cho lao động thuộc tất cả các đối tượng trong thời gian học nghề; riêng lao động là người dân tộc thiểu số, sẽ hỗ trợ tiền thuê nhà ở và tiền mua đồ dùng cá nhân trong thời gian học nghề, hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian 02 năm đầu làm việc tại doanh nghiệp sau học nghề...

³⁰ Chia theo lĩnh vực đào tạo: nghề nông nghiệp 13.453 người, nghề phi nông nghiệp 6.909 người; chia theo đối tượng học nghề: Lao động thuộc hộ nghèo 2.733 người, hộ cận nghèo 1.437 người; dân tộc thiểu số 1.666 người; đối tượng chính sách: 1.039 người, đối tượng khác: 13.487 người. Tổng số lao động có việc làm sau đào tạo là: 15.900 người; trong đó, có việc làm mới: 7.898 người, tiếp tục làm nghề cũ: 7.449 người, thay đổi công việc: 553 người.

³¹ Tổng số lao động đã hoàn thành khóa học 5.479 người, bỏ học giữa chừng là 269 người.

³² Trong đó, 2.262 người là đồng bào dân tộc thiểu số, chiếm 43,2%.

³³ Ngân sách tỉnh phân bổ cho 18 huyện, thị xã, thành phố thực hiện trong 02 năm là: 9.500 triệu đồng; tổng số lao động được hỗ trợ học nghề trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 là 3.187 người; trong đó, lao động thuộc hộ nghèo: 428 người, hộ cận nghèo 225 người; DTTS: 462 người; đối tượng chính sách: 147 người, đối tượng khác: 1.925 người.

trình MTQG giai đoạn 2022 - 2025 gồm: Phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Giảm nghèo bền vững, Xây dựng nông thôn mới (*Phụ lục 4*).

3.2. ĐTN cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an

Từ năm 2019 đến nay, tỉnh triển khai thực hiện thêm chính sách ĐTN cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ theo Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, ngày 09/7/2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ Quốc gia về việc làm³⁴; Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ LĐ-TB&XH về hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN cho các đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định số 61/NĐ-CP, ngày 09/7/2015 của Chính phủ và các quy định khác có liên quan³⁵.

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2081/QĐ-UBND, ngày 27/6/2019 về việc quy định tạm thời danh mục nghề và định mức kinh phí đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh chỉ đạo Sở LĐ-TB&XH định kỳ hằng năm chủ trì, phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tổ chức tư vấn, định hướng nghề nghiệp, tuyển sinh học nghề đối với bộ đội xuất ngũ; rà soát thống kê, cung cấp danh sách thanh niên ra quân hằng năm để các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và phối hợp với các cơ sở GDNN tổ chức tư vấn, tuyển sinh; hướng dẫn các cơ sở GDNN, Phòng LĐ-TB&XH các huyện, thị xã, thành phố, Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phối hợp tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ ĐTN gắn với giải quyết việc làm, kết nối thông tin cung - cầu lao động cho bộ đội xuất ngũ trên địa bàn. Tổng số thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự và thanh niên hoàn thành nghĩa vụ công an tham gia học nghề là 1.730 thanh niên³⁶.

4. Nguồn lực thực hiện ĐTN cho LĐNT

4.1. Kinh phí thực hiện Đề án ĐTN cho LĐNT đến năm 2020

Giai đoạn 2011 - 2020, tổng kinh phí thực hiện đề án ĐTN cho LĐNT trên địa bàn tỉnh là: 118.121 triệu đồng. Cụ thể:

Giai đoạn 2011 - 2015, kinh phí được phân bổ là 81.624 triệu đồng; trong đó, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ từ các chương trình MTQG Dạy nghề -

³⁴ Được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 74/2019/NĐ-CP, ngày 23/9/2019 của Chính phủ.

³⁵ Điều 16 Nghị định số 61/2015/NĐ-CP, ngày 09/7/2015 của Chính phủ; cụ thể: Bộ đội xuất ngũ được vay vốn để tham gia học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng theo quy định của chính sách tín dụng đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; việc miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập trình độ trung cấp, cao đẳng thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản hướng dẫn; bộ đội xuất ngũ tham gia học nghề trình độ sơ cấp được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo theo quy định tại Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH.

³⁶ Trong đó, năm 2019: 37 người; năm 2020: 375 người; năm 2021: 865 người và 06 tháng đầu năm 2022: 453 người. Ngành nghề đào tạo hiện nay chủ yếu là Nghề lái xe ô tô hạng B2, lái xe ô tô hạng C: 1761 người (chiếm 94,3% tổng số thanh niên tham gia học nghề); các nghề khác như: hàn, sửa chữa ô tô, điện công nghiệp, công nghệ ô tô: 99 người (chiếm 5,7% tổng số thanh niên tham gia học nghề).

Việc làm - An toàn lao động là: 79.170 triệu đồng; nguồn ngân sách tỉnh là: 2.454 triệu đồng.

Giai đoạn 2016 - 2020, kinh phí được phân bổ là 36.496 triệu đồng; trong đó, nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ từ các chương trình MTQG Xây dựng NTM là: 30.198 triệu đồng; nguồn ngân sách tỉnh là: 6.298 triệu đồng (*Phụ lục 5*).

4.2. Kinh phí thực hiện Cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động

Giai đoạn 2010 - 2016, kinh phí ngân sách tỉnh phân bổ thực hiện Cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh là 35.375 triệu đồng; kinh phí giải ngân là: 20.539 triệu đồng, đạt tỷ lệ 58,1% (*Phụ lục 6*).

4.3. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng theo Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg

Năm 2021 và năm 2022, ngân sách tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện chính sách là 12.364 triệu đồng; trong đó, cho 18 huyện, thị xã, thành phố thực hiện công tác ĐTN trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng cho LĐNT là: 9.500 triệu đồng; Hội Nông dân tỉnh là: 1.928 triệu đồng; Tỉnh đoàn là: 916 triệu đồng (*Phụ lục 7*).

4.4. Kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ ĐTN cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an

Từ năm 2019 đến năm 2022, ngân sách tỉnh bố trí để thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp đối với bộ đội xuất ngũ: 20.904,2 triệu đồng³⁷.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Tỉnh ủy đã kịp thời ban hành nghị quyết, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành đề án thực hiện chương trình ĐTN cho LĐNT của tỉnh theo đề án của Chính phủ và theo yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh; xác định rõ các đối tượng ưu tiên cần ĐTN; ban hành các chính sách hỗ trợ học nghề, ĐTN; kiện toàn ban chỉ đạo ĐTN các cấp; phát huy vai trò của các cấp ủy đảng, chính quyền, các ngành, MTTQ, đoàn thể CT-XH, các cơ sở ĐTN, doanh nghiệp, cá nhân trong công tác ĐTN cho LĐNT; hệ thống cơ sở dạy nghề được đầu tư, chất lượng được nâng lên; đa dạng mô hình dạy nghề gắn với việc làm. Thời gian qua, tỉnh đã thu hút nhiều dự án lớn tạo hàng ngàn việc làm cho người lao động. Tính riêng giai đoạn 2011 - 2022, toàn tỉnh đào tạo trên 57.000 LĐNT; trong đó, có gần 30.000 lượt nghề nông nghiệp, gần 19.000 lượt nghề phi nông nghiệp; xuất hiện nhiều mô hình dạy nghề hiệu quả; số lao động có việc làm sau đào tạo trên 70%. Kết quả đó góp phần quan trọng vào phát triển nguồn nhân lực, chuyển đổi cơ cấu lao động nông thôn, phát triển sản

³⁷ Trong đó: năm 2019 là 226,9 triệu đồng; năm 2020 là 2.209 triệu đồng, năm 2021 là 11.468,3 triệu đồng và năm 2022 là 07 tỷ đồng.

xuất, dịch vụ, tăng thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân và xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh.

2. Tồn tại, hạn chế

2.1. Một số cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị, địa phương chưa thường xuyên, sâu sát, quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW; việc triển khai thực hiện đề án chưa kịp thời, thiếu đồng bộ, chưa gắn công tác ĐTN cho LĐNT với quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương. Công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên. Công tác kiểm định chất lượng ĐTN còn hạn chế. Nhiều địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc hỗ trợ, giúp đỡ người lao động sau học nghề.

2.2. Việc xác định đầu tư các trung tâm dạy nghề cấp huyện theo chỉ đạo của Trung ương ngay từ khi triển khai Đề án chưa thực sự hiệu quả. Các trung tâm này mới đi vào hoạt động một thời gian ngắn thì thực hiện sắp xếp, giải thể. Cán bộ phụ trách dạy nghề ở địa phương kiêm nhiệm, không ổn định.

2.3. Công tác tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và việc làm nói chung, về ĐTN cho LĐNT nói riêng ở một số địa phương chưa được triển khai mạnh mẽ và đồng bộ, nhất là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa; một số tổ chức hội đoàn thể tại địa phương chưa thực sự tích cực trong tuyên truyền, vận động hội viên của tổ chức mình tham gia học nghề lập nghiệp.

2.4. Công tác điều tra, khảo sát nhu cầu học nghề của LĐNT thiếu chính xác. Công tác nghiên cứu dự báo, theo dõi nắm bắt, tổng hợp nhu cầu lao động, kết nối doanh nghiệp, cơ sở đào tạo, người lao động có lúc còn hạn chế. Việc phân bổ chỉ tiêu đào tạo lao động nông nghiệp, phi nông nghiệp có lúc chưa sát với tình hình thực tế của từng địa phương.

2.5. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề của tỉnh chưa đáp ứng yêu cầu ĐTN. Hệ thống cơ sở ĐTN cấp huyện còn bất cập. Chưa phát triển được hệ thống các cơ sở dạy nghề ngoài công lập để tranh thủ nguồn đầu tư vượt trội, nhất là trước yêu cầu phát triển công nghệ sản xuất tiên tiến và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay. Chưa đầu tư đúng mức cho xây dựng và cập nhật chương trình ĐTN. Một số ngành, nghề đào tạo cho LĐNT chưa phù hợp với đặc điểm vùng, miền.

Công tác tuyển sinh dạy nghề gặp không ít khó khăn, nhất là đào tạo cao đẳng nghề, trung cấp nghề. Tỷ lệ phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS đi học nghề dài hạn còn thấp. Công tác ĐTN một số nơi còn chạy theo số lượng, chất lượng thấp, chưa phù hợp với nhu cầu người học và người sử dụng lao động. Việc đa dạng hoá các loại hình đào tạo chưa được thực hiện mạnh mẽ, chủ yếu dạy nghề tập trung và dạy nghề thường xuyên dưới 03 tháng. Trong ĐTN còn nặng về lý thuyết, chưa chú trọng đúng mức phần thực hành. Một số doanh nghiệp chưa tạo điều kiện tiếp nhận người học nghề đến thực tập tại đơn vị. Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ

quản lý, giáo viên dạy nghề còn một số bất cập. Số mô hình có chất lượng, hiệu quả trong đào tạo và hỗ trợ giải quyết việc làm cho LĐNT chưa nhiều.

2.6. Số lượng lao động nông thôn được hỗ trợ ĐTN hằng năm đạt thấp chưa đảm bảo yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế tăng tỷ trọng công nghiệp - dịch vụ. Sau khi học xong người lao động chủ yếu tự tạo việc làm, số lao động được doanh nghiệp tuyển vào làm việc còn thấp.

2.7. Tỷ lệ giải ngân nguồn kinh phí thực hiện Cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh đạt thấp, số lượng lao động được hỗ trợ đào tạo theo Cơ chế không đạt mục tiêu đề ra.

3. Nguyên nhân

3.1. Một số cấp ủy đảng, chính quyền địa phương nhận thức chưa đầy đủ vai trò của công tác ĐTN trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực LĐNT. Thiếu định hướng dài hạn, chưa gắn với quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH, quy hoạch NTM. Cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để thu hút đầu tư phát triển ĐTN.

3.2. Từ đầu năm 2020 đến tháng 4/2022, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường, các hoạt động truyền thông, tư vấn tuyên sinh tập trung đông người không thực hiện được; nhiều hoạt động của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp bị gián đoạn hoặc dừng thực hiện đã ảnh hưởng đến kế hoạch, tiến độ đào tạo trong năm; nhiều doanh nghiệp phải hạn chế tuyển dụng lao động để phòng, chống dịch làm cho việc đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp gặp nhiều khó khăn.

3.3. Các hội đoàn thể chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm; chưa thực hiện tốt công tác phối hợp, tham mưu trong tổ chức thực hiện đề án. Các cấp chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện đúng chủ trương phân luồng học sinh sau THCS theo tinh thần Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XI. Một số cơ sở dạy nghề chưa năng động, sáng tạo hoạt động dạy nghề trong cơ chế thị trường.

3.4. Một bộ phận không nhỏ người lao động trình độ học vấn còn thấp, ý thức chấp hành nội quy học nghề, kỷ luật lao động chưa cao. Nhiều nông dân chưa thấy hết sự cần thiết trong ĐTN, thiếu quyết tâm trong tìm kiếm việc làm và làm việc sau khi đào tạo. Một bộ phận nhân dân còn nặng về bằng cấp, trông chờ chính sách hỗ trợ của Nhà nước, có tâm lý ngại đi làm ăn xa, muốn làm có thu nhập ngay nên ảnh hưởng nhất định đến việc học nghề, lập nghiệp. Tình trạng chậm đóng bảo hiểm xã hội, nợ lương tại một số doanh nghiệp cũng gây tâm lý e ngại cho người dân khi học nghề và làm việc cho doanh nghiệp

3.5. Nhu cầu về vốn trong đầu tư, phát triển ĐTN là rất lớn, trong khi nguồn vốn ngân sách có hạn và công tác xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội để bổ sung thực hiện nhiệm vụ ĐTN cho LĐNT ở nhiều đơn vị còn hạn chế, khó khăn.

4. Bài học kinh nghiệm

Thứ nhất, kịp thời chỉ đạo xây dựng, ban hành đề án dạy nghề LĐNT; trong đó, xác định rõ đối tượng, chính sách hỗ trợ học nghề, ĐTN; đồng thời, tăng cường

chỉ đạo quán triệt, tuyên truyền, triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm trong chỉ đạo thực hiện. Huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị từ cấp tỉnh đến cấp xã, phân công cụ thể trách nhiệm của các cấp chính quyền, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành dưới sự chỉ đạo, điều hành đồng bộ và thống nhất của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền để người dân biết được đầy đủ các chính sách của Đảng và Nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, nhất là các chính sách hỗ trợ cho người lao động khi tham gia học nghề để người dân có động lực và yên tâm tham gia học nghề lập nghiệp; thực hiện tốt công tác tư vấn học nghề và tư vấn việc làm để đảm bảo cho người dân sau khi được học nghề có điều kiện tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.

Thứ ba, thực hiện dạy nghề cho LĐNT phải xuất phát từ nhu cầu của người học, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và của xã hội; chú trọng công tác chỉ đạo, thực hiện khảo sát nhu cầu lao động gắn với yêu cầu nhiệm vụ phát triển sản xuất, dịch vụ tại địa phương; cập nhật, thông tin đầy đủ, kịp thời nhu cầu lao động của các doanh nghiệp; trên cơ sở đó, phối hợp tổ chức có hiệu quả nhiều mô hình dạy nghề cho LĐNT.

Thứ tư, thu hút các dự án lớn về công nghiệp, dịch vụ tạo được nhiều việc làm cho người lao động cùng với sự phát huy cơ sở vật chất, thiết bị hiện đại, tính năng động, sáng tạo của các cơ sở dạy nghề có chất lượng trên địa bàn tỉnh, nhất là các cơ sở dạy nghề trong doanh nghiệp. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên dạy nghề, người dạy nghề đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm dạy nghề, đáp ứng được yêu cầu dạy nghề cho LĐNT.

Thứ năm, chú trọng công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với biểu dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong thực hiện công tác ĐTN cho LĐNT.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG CÔNG TÁC ĐTN CHO LĐNT TRONG THỜI GIAN ĐẾN

I. BỐI CẢNH

1. Quốc tế

Khoa học công nghệ thế giới tiếp tục phát triển nhanh chóng, nhất là tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, công nghệ số, công nghệ thông tin và truyền thông đang và sẽ tạo ra sự thay đổi có tính đột phá trong nhiều lĩnh vực; trong đó, có GDNN, tạo điều kiện thuận lợi để đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và quản lý GDNN, tạo cơ hội mới cho GDNN (trong đó, có dạy nghề cho LĐNT) phát triển; đồng thời, có điều kiện để đáp ứng được các tiêu chuẩn hiện đại của nhiều quốc gia phát triển.

2. Trong nước

Dự báo trong thời gian tới, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhu cầu về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao sẽ tiếp tục tăng. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã thông qua Chiến lược phát triển KT-XH giai đoạn 2021 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, định hình mô hình phát triển đất nước theo hướng trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại (năm 2030) và là nước phát triển (năm 2045); trong đó, nhấn mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong ba đột phá chiến lược và nêu rõ định hướng xây dựng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở và linh hoạt, đẩy mạnh đào tạo lại, đào tạo thường xuyên lực lượng lao động. Đây là cơ sở, là tiền đề quan trọng cho phát triển GDNN (trong đó, có dạy nghề cho LĐNT) của nước ta thời gian tới, trong đó có Quảng Nam.

II. PHƯƠNG HƯỚNG

1. Mục tiêu chung

Đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả ĐTN cho LĐNT, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động, đáp ứng yêu cầu phát triển KT-XH của tỉnh, rút ngắn tỷ lệ lao động qua đào tạo giữa khu vực nông thôn và thành thị. Trong đó, tập trung đào tạo nhân lực có chất lượng phục vụ sản xuất nông nghiệp tiên tiến, hiện đại; đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để chuyển đổi nghề nghiệp, chuyển một bộ phận lao động nông thôn sang làm công nghiệp, dịch vụ và ứng phó với biến đổi khí hậu, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn. Đào tạo nguồn nhân lực nông thôn gắn với quá trình đô thị hóa, thực chất, đi theo chiều sâu, hiệu quả, bền vững, lấy cư dân nông thôn làm chủ thể, đem lại chuyển biến tích cực, rõ nét hơn về chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm, thu nhập cho người dân.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

Phân đầu hằng năm, bình quân đào tạo, đào tạo lại, đào tạo chuyển đổi và các chương trình ĐTN khác cho khoảng 5.000 - 7.000 lượt LĐNT.

Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70 - 75% ; trong đó, tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35%; tỷ lệ lao động qua đào tạo khu vực miền núi đạt 50%; tỷ lệ lao động phi nông nghiệp từ 71 - 72%.

ĐTN phi nông nghiệp chiếm khoảng 60%, ĐTN nông nghiệp chiếm khoảng 40%.

Tỷ lệ người lao động đào tạo mới có việc làm mới hoặc tiếp tục làm nghề cũ nhưng có năng suất, thu nhập cao hơn sau khi học nghề đạt trên 80%.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Tiếp tục quán triệt, thực hiện hiệu quả Chỉ thị số 19-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ĐTN cho LĐNT, triển khai

thực hiện các dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025³⁸. Gắn chỉ tiêu, nhiệm vụ dạy nghề LĐNT với các chương trình, dự án, kế hoạch xây dựng NTM, phát triển KT-XH địa phương và nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Kịp thời đề ra các giải pháp khắc phục hạn chế, khó khăn, thúc đẩy công tác ĐTN cho LĐNT tại địa phương. Rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ về ĐTN cho LĐNT.

2. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của công tác ĐTN cho LĐNT nhằm nâng cao năng lực sản xuất - dịch vụ, tạo việc làm, tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững, góp phần xây dựng NTM. Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ĐTN, giải quyết việc làm cho LĐNT. Công tác tuyên truyền cần tiến hành thường xuyên, liên tục với nội dung cụ thể, thiết thực, hình thức phong phú, linh hoạt, có chất lượng, hiệu quả. Phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông đại chúng, các hội đoàn thể trong tuyên truyền, vận động, tư vấn ĐTN, giải quyết việc làm cho LĐNT. Tuyên truyền về mô hình ĐTN có chất lượng, hiệu quả gắn với phát triển sản xuất - dịch vụ, bao tiêu sản phẩm, tạo việc làm cho người lao động. Thực hiện tốt công tác thông tin, dự báo số lượng, chất lượng nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh. Xây dựng, thực hiện chương trình định hướng nghề nghiệp cho học sinh THCS, THPT gắn với thị trường lao động, đặc biệt ở khu vực miền núi; thực hiện tuyển sinh THPT và phân luồng học sinh sau THCS theo Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 25/4/2017 của Tỉnh ủy.

3. Cần nắm vững quy hoạch phát triển KT-XH của địa phương cùng với nhu cầu lao động; tổ chức khảo sát, điều tra, tổng hợp, báo cáo chính xác nhu cầu học nghề. Xác định chỉ tiêu tuyển sinh ĐTN hằng năm trên cơ sở nhu cầu của thị trường lao động, năng lực ĐTN và tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm. Xây dựng và thực hiện kế hoạch ĐTN sát tình hình thực tế của địa phương. Gắn ĐTN với mô hình sản xuất, dịch vụ có hiệu quả, bền vững tại địa phương theo Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”. Ưu tiên ĐTN cho lao động sản xuất hàng hóa tập trung, đào tạo lao động cho các làng nghề. Quan tâm ĐTN cho các xã đã đăng ký phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện lồng ghép các chương trình NTM, giảm nghèo, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư để tổ chức ĐTN cho LĐNT.

³⁸ Gồm: Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025: Tiểu Dự án 3 “Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Dự án 5 của Chương trình; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025: Tiểu Dự án 1 “Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn” thuộc Dự án 4 của Chương trình; Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025: Nội dung 09 “Tiếp tục nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn”.

4. Khuyến khích phát triển mạnh các cơ sở dạy nghề ngoài công lập, nhất là đối với các ngành nghề trong quy hoạch chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh. củng cố, phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh bảo đảm đủ về số lượng, có năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp. Thực hiện chuẩn hóa và quy hoạch nâng chuẩn đối với giáo viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trọng điểm của tỉnh. Chú trọng bồi dưỡng kỹ năng, kỹ thuật chuyên môn dạy nghề. Có cơ chế thu hút các nghệ nhân, người có kinh nghiệm, tay nghề cao tham gia giảng dạy, truyền nghề tại các cơ sở dạy nghề. Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp nhận lao động, nhất là thanh niên hoàn lương sau ĐTN vào làm việc tại đơn vị.

5. Đổi mới chương trình giáo dục nghề nghiệp, tăng tính thực hành, tính thực tiễn đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Thực hiện rà soát, điều chỉnh, xây dựng chương trình ĐTN cho LĐNT bảo đảm tính thống nhất, liên thông từng ngành, nhóm ngành, nhóm nghề; nghiên cứu áp dụng các chương trình ĐTN tiên tiến; chú trọng nội dung, chương trình giáo dục rèn luyện ý thức, tác phong lao động công nghiệp.

6. Tăng cường năng lực cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân sử dụng lao động tham gia ĐTN, bồi dưỡng năng lực, kỹ năng nghề cho LĐNT tại cơ sở sản xuất, dịch vụ. Khuyến khích tổ chức tham quan học tập và nhân rộng các mô hình ĐTN có hiệu quả. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiểm định chất lượng GDNN. Tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động theo kế hoạch của Tổng cục GDNN. Tổ chức đào tạo, đào tạo lại, đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho LĐNT. Kiên quyết không để cơ sở không đủ điều kiện, năng lực tham gia dạy nghề cho LĐNT và không tổ chức dạy nghề khi chưa dự báo được nơi làm việc và mức thu nhập của người lao động sau khi học nghề. Phát huy vai trò của Sở LĐ-TB&XH trong việc kết nối doanh nghiệp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Phát huy vai trò của Trung tâm Dịch vụ việc làm Quảng Nam; nâng cao năng lực, hiệu quả trong tổ chức sàn giao dịch việc làm và hỗ trợ đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài có thời hạn theo hợp đồng.

7. Bảo đảm đầy đủ, kịp thời nguồn vốn ĐTN cho LĐNT từ nguồn ngân sách các cấp; đồng thời, đẩy mạnh xã hội hóa công tác ĐTN; bổ sung kinh phí hướng nghiệp cho LĐNT. Xem xét điều chỉnh quy định về tỷ lệ lao động sau đào tạo vào làm việc tại các doanh nghiệp và được đóng bảo hiểm xã hội để làm căn cứ thanh toán kinh phí ĐTN nhằm khuyến khích hoạt động ĐTN và bảo đảm chất lượng, hiệu quả ĐTN.

Phần thứ ba
ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Kính đề nghị Chính phủ

1. Ban hành Chương trình “Đổi mới và nâng cao chất lượng ĐTN cho LĐNT đến năm 2030” để các tỉnh, thành phố có cơ sở ban hành chính sách mới trong giai đoạn 2021 - 2025; lồng ghép các nguồn lực, các hoạt động của Chương trình ĐTN cho LĐNT với các chương trình MTQG, các đề án khác có liên quan để tránh sự chồng chéo trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả hoạt động ĐTN cho LĐNT tại địa phương.

Sau khi ban hành các quy định mới liên quan đến công tác ĐTN, cần triển khai, hướng dẫn, tổ chức tập huấn kịp thời cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ làm công tác dạy nghề.

2. Tăng cường hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

3. Tăng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng³⁹.

4. Xem xét sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tại Nghị định số 61/2015/NĐ-CP nhằm khuyến khích bộ đội xuất ngũ tham gia học trình độ trung cấp, cao đẳng và liên thông lên đại học⁴⁰.

Trên đây là Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 19-CT/TW, ngày 05/11/2012 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh ủy kính báo cáo Ban Bí thư Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương theo dõi, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương (báo cáo),
- Ban Tuyên giáo Trung ương (HN, ĐN) (báo cáo),
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (báo cáo),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể CT-XH tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Lê Văn Dũng

³⁹ Hiện nay, chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng quy định tại Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, ngày 26/8/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và Dự án phát triển GDNN thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025 đều thực hiện theo mức quy định tại Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg, ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng. Mức hỗ trợ về chi phí đào tạo, tiền ăn, tiền đi lại được ban hành từ năm 2015 và duy trì áp dụng đến nay. Mức hỗ trợ này quá thấp, không còn phù hợp, khó đảm bảo được chất lượng đào tạo và khuyến khích các cơ sở GDNN tham gia đào tạo.

⁴⁰ Về chính sách hỗ trợ ĐTN cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KT-XH trên địa bàn tỉnh: Theo quy định, Thẻ học nghề “có giá trị tối đa bằng 12 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm ĐTN” nhưng chỉ được thanh toán hỗ trợ kinh phí học trình độ sơ cấp không được hỗ trợ học trình độ trung cấp, cao đẳng.

